

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT
Về việc công khai kê khai thuế thu nhập cá nhân Quý 4 năm 2024
và Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2024

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút giờ ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại văn phòng Trường THPT Cẩm Lệ. Lãnh đạo trường THPT Cẩm Lệ tổ chức họp thống nhất để niêm yết công khai kê khai thuế thu nhập cá nhân Quý 4 năm 2024 và Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2024.

Thành phần lập biên bản:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| 1- Đ/c: Nguyễn Thị Minh Huệ | - Hiệu trưởng |
| 2- Đ/c: Nguyễn Văn Đông | - Phó Hiệu trưởng |
| 3- Đ/c: Đoàn Hiếu Mến | - Phó Hiệu trưởng |
| 4- Đ/c: Trần Thị Phương Chi | - Chủ tịch Công đoàn |
| 5- Đ/c: Nguyễn Thị Mai Anh | - TB Ban Thanh tra ND |
| 6- Đ/c: Lê Nguyễn Phương Trâm | - Kế toán |
| 7- Đ/c: Trương Văn Cương | - Giáo viên - Thư ký |

Nội dung:

Trường THPT Cẩm Lệ tiến hành niêm yết công khai kê khai thuế thu nhập cá nhân Quý 4 năm 2024 và Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2024 như sau:

1/ Kê khai quý 4/2024:

- Số lao động: 87 người.
- Tổng số thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân: 3.388.797.264 đồng
- Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ: 0 đồng
- Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ: 0 đồng

2/ Quyết toán năm 2024:

- Số lao động: 87 người.
- Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh: 53 người
- Tổng số thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân: 9.292.094.797 đồng
- Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ: 0 đồng
- Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ: 0 đồng

Kê khai thuế thu nhập cá nhân Quý 4 năm 2024 và Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2024 đã được Lãnh đạo nhà trường thông qua tới 100% cán bộ, giáo viên trong Hội đồng nhà trường.

Thực hiện niêm yết công khai kê khai thuế thu nhập cá nhân Quý 4 năm 2024 và Quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2024 của Trường THPT Cẩm Lệ. Niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị biết.

Biên bản được niêm yết công khai tại trường trong 30 ngày liên tục từ ngày 22/01/2025 đến hết ngày 20/02/2025.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ



Trương Văn Cường

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Huệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **05/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2024

[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: **Trường THPT Cẩm Lệ**

[05] Mã số thuế:

0	4	0	1	4	9	7	6	7	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

[06] Địa chỉ: Phường Hoà Thọ Đông

[07] Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ [08] Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng

[09] Điện thoại: 02363676362 [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[16]	Người	87
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	87
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]	[18]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	
3	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]	[21]	VNĐ	3.388.797.264
3.1	Cá nhân cư trú	[22]	VNĐ	
3.2	Cá nhân không cư trú	[23]	VNĐ	3.388.797.264
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[24]	VNĐ	
4	Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	[25]	VNĐ	
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]	[26]	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	[27]	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VNĐ	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31] Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31]	[29]	VNĐ	
6.1	Cá nhân cư trú	[30]	VNĐ	
6.2	Cá nhân không cư trú	[31]	VNĐ	
6.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[32]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày 19 tháng 01 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)



Nguyễn Thị Minh Huệ

Ghi chú:

- Tờ khai này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân trong tháng/quý, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.
- Kỳ khai thuế theo tháng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng hoặc trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập lựa chọn khai thuế theo tháng.
- Kỳ khai thuế theo quý áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, bao gồm cả tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **05/QT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực
sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống ☐

[05] Tên người nộp thuế: **Trường THPT Cẩm Lệ**

[06] Mã số thuế:

0	4	0	1	4	9	7	6	7	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

[07] Địa chỉ: Phường Hoà Thọ Đông

[08] Quận/Huyện: Quận cẩm lệ [09] Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng

[10] Điện thoại: 02363676362 [11] Fax: [12] Email:

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):

[14] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[16]	Người	87
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	87
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]	[18]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[21]	Người	
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[22]	Người	53
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]	[23]	VNĐ	9.292.094.797
5.1	Cá nhân cư trú	[24]	VNĐ	9.292.094.797
5.2	Cá nhân không cư trú	[25]	VNĐ	
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[26]	VNĐ	
6	Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí	[27]	VNĐ	
7	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [28]=[29]+[30]	[28]	VNĐ	
7.1	Cá nhân cư trú	[29]	VNĐ	
7.2	Cá nhân không cư trú	[30]	VNĐ	
8	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [31]=[32]+[33]	[31]	VNĐ	
8.1	Cá nhân cư trú	[32]	VNĐ	
8.2	Cá nhân không cư trú	[33]	VNĐ	
8.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[34]	VNĐ	

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[35]	Người	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[36]	VNĐ	
	Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04])	[37]	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[38]	VNĐ	
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống	[39]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp [40] = ([38] – [36] – [39]) > 0	[40]	VNĐ	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa [41] = ([38] – [36] – [39]) < 0	[41]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày 19 tháng 01 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

**TRƯỞNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
CẨM LỆ**
Nguyễn Thị Minh Huệ

Ghi chú:

- Kỳ tính thuế tại chỉ tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.
- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN chỉ phải khai thông tin tổng hợp tại Tờ khai này mà không phải khai vào Bảng kê 05-1/BK-TNCN đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIỀN TỪNG PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Lần đầu: ☒

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Trường THPT Cẩm Lệ

[05] Mã số thuế:

0	4	0	1	4	9	7	6	7	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

 -

--	--	--

I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CC CD/SĐDCN (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế ([21]= [12]-[14]-[15]-[17]-[18]-[19]-[20])	Số thuế TNCN đã khấu trừ		Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế			Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống
						Tổng thu nhập chịu thuế	Trong đó: TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khi	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Trong đó: số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]
1	Nguyễn Phước	8454017714	049076028740			192.544.099				1	184.800.000	1.075.513	18.257.279								
2	Đoàn Hiếu Mên	8516478757	049072020113			171.876.172				2	237.600.000	1.061.120	17.650.831								
3	Nguyễn Văn Đông	0400857127	040077023379			176.394.049				1	184.800.000	1.061.120	17.650.831								
4	Trần Thị Cẩm Châu	8164860626	048180004411			146.480.963				1	184.800.000	974.423	14.880.603								
5	Lê Phúc Nhi	8128353878	048179006104			134.481.180				1	184.800.000	971.411	14.941.748								
6	Nguyễn Thị Hoàng Hương	8296099655	049173008061			125.711.780				2	237.600.000	895.957	13.112.669								
7	Ngô Thị Năm	0400857247	048181005060			148.178.586				1	184.800.000	982.893	15.349.979								



8	Trần Ngọc Hạnh	8044303140	044083013665			139.972.102				2	237.600.000	907.577	13.990.699								
9	Nguyễn Thị Thiên Lý	8291229043	049177005295			136.225.580					132.000.000	1.001.111	15.129.783								
10	Hoàng Thuý Quỳnh	8441779271	048181004605			98.266.350					110.000.000	830.160	10.322.258								
11	Nguyễn Vũ Anh Thy	8516479817	064177006269			141.105.541					132.000.000	999.502	15.116.413								
12	Nguyễn Thị Thanh Vân	8046756996	048182007455			140.141.714				3	290.400.000	905.074	13.801.143								
13	Nguyễn Thị Thanh Xuân	8040116125	048184001300			124.440.484					132.000.000	859.860	12.375.183								
14	Phan Thảo My	8061565146	048182001611			137.960.860				1	184.800.000	897.452	13.225.343								
15	Lê Thị Thu Thủy	0400857141	038178013360			162.377.084				1	184.800.000	1.056.510	16.820.955								
16	Trần Thị Kim Phương	0400858353	048184002630			119.335.212					132.000.000	830.160	12.091.400								
17	Nguyễn Tú Anh	4000723239	040181016665			126.008.580					132.000.000	901.447	13.254.581								
18	Nguyễn Xuân Thắng	8053488970	049076022337			173.314.924				1	184.800.000	1.112.472	17.894.418								
19	Lê Văn Quang	8428851105	044087007176			104.340.446				1	184.800.000	721.350	9.848.382								
20	Huỳnh Phan Đoàn Thủy	8000329938	049179009432			145.740.272					132.000.000	945.349	14.692.342								
21	Lê Thị Kim Dung	0400857254	049790002762			123.560.900					132.000.000	901.938	13.563.366								
22	Liên Quang Thịnh	0400856821	049078020476			150.779.177				1	184.800.000	981.969	15.739.706								
23	Biên Thị Lam Sa	8054625348	048181006592			130.117.708				1	184.800.000	830.160	12.091.400								
24	Nguyễn Thị Mai Anh	8517752836	040182036553			132.018.650					132.000.000	865.883	12.735.693								
25	Hoàng Thị Bích Liên	8516479380	052181003532			126.772.734				1	184.800.000	900.443	13.440.077								
26	Đỗ Thị Hương	8052674029	038184046070			123.079.115				1	184.800.000	734.587	10.799.012								
27	Lê Thị Thủy Dương	8044301760	040185022424			117.514.580				2	237.600.000	828.778	11.997.136								
28	Đoàn Thị Hường Vi	8411840338	048192007892			101.253.113					132.000.000	689.344	9.404.676								
29	Trần Thị Tổ Như	8114727964	049187017254			111.009.999				1	184.800.000	758.028	10.623.051								

30	Phan Thi Liên	8449483269	048193001255			95.121.496					132.000.000	623.423	8.387.064							
31	Vũ Nguyễn Bích Trâm	8118231415	048189000687			96.693.979			1		184.800.000	623.423	8.387.064							
32	Trần Thị Phương Chi	8516479006	066189011076			117.558.655					132.000.000	745.348	10.742.904							
33	Nguyễn Châu Linh	8516479662	048190007694			110.710.106					132.000.000	691.650	9.570.200							
34	Phạm Ngọc Thành	8023881535	042082015596			101.670.180			1		184.800.000	698.566	10.074.955							
35	Tân Mừng	8448948465	048090008276			108.504.895					132.000.000	696.157	9.901.975							
36	Trần Đỗ Lan Anh	8516479207	049190005356			110.821.722			2		237.600.000	690.497	9.475.165							
37	Trương Thị Thủy Hồng	0401465877	049880009628			109.258.620					132.000.000	690.497	9.454.396							
38	Phạm Minh Phúc	8166064355	048092008803			95.117.380			2		237.600.000	654.161	8.642.067							
39	Nguyễn Thị Luyến	8516723575	049192004805			102.384.298					132.000.000	623.423	8.372.322							
40	Đào Thị Thủy Linh	8426481480	040188034726			142.102.232			2		237.600.000	893.935	12.720.592							
41	Nguyễn Thị Mai Hương	8517752850	056182004290			118.366.966					132.000.000	828.778	11.997.136							
42	Lê Thị Lành	8516723141	048192007943			110.493.512			1		184.800.000	622.384	8.323.560							
43	Nguyễn Hoàng Hà Vy	8456427353	048192009581			95.440.495					132.000.000	623.423	8.394.435							
44	Lê Viết Duyên	8442370107	049089009242			131.576.817					132.000.000	744.196	10.811.012							
45	Nguyễn Bá Phước	8359624701	048090007894			108.448.022					132.000.000	691.650	9.547.543							
46	Võ Thị Thủy Hằng	8427984279	049190000432			101.631.032			1		184.800.000	690.497	9.483.347							
47	Trương Văn Cương	8516723247	035090009855			119.957.068					132.000.000	743.043	10.083.222							
48	Phan Thị Xuân Trang	8323401194	048190006044			105.284.476			1		184.800.000	688.192	9.293.277							
49	Châu Thị Hằng	0401084896	037178015515			143.637.427					132.000.000	969.802	14.720.738							
50	Đặng Thục Đoan	0400857688	048184001435			136.232.804			1		184.800.000	895.957	13.285.150							
51	Phan Thị Xuân Hà	0401446433	048185005740			112.040.632			2		237.600.000	743.043	10.568.098							



52	Đào Thị Thu Huyền	8426481191	024183018495			119.962.741				1	184.800.000	759.295	10.718.511								
53	Đinh Thị Như Ý	8516723423	048194001379			99.701.017					132.000.000	609.352	7.938.284								
54	Ngô Thị Hoàng Ni	8516723504	048195007903			108.451.818				1	184.800.000	614.803	9.126.153								
55	Nguyễn Kim Nguyễn	8512194225	048195003127			116.728.649				2	237.600.000	609.352	8.712.867								
56	Nguyễn Quang Duy	8430475930	036091027459			91.368.846					132.000.000	609.352	7.938.284								
57	Huỳnh Thị Hiền	8423756842	046192017973			101.528.010					132.000.000	609.352	7.938.284								
58	Trần Nguyễn Thủy Dương	8516723367	051189016135			109.996.949				1	184.800.000	673.892	8.847.513								
59	Lê Thị Thu Trang	8504740079	049190011244			94.856.857				1	184.800.000	609.352	7.938.284								
60	Nguyễn Thị Xuân Hiền	3300863122	048184006507			117.414.580					132.000.000	828.778	11.952.644								
61	Võ Thị Kim Cương	0400819805	048179006564			130.443.949				1	184.800.000	933.133	13.873.878								
62	Nguyễn Thị Hạnh	8128556839	040187031336			117.462.548				2	237.600.000	759.295	10.727.504								
63	Nguyễn Thị Thủy Duyên	8234339547	048194006870			84.795.097					132.000.000	552.184	7.185.931								
64	Lê Thị Minh Thương	8363587805	052196015310			56.329.479				1	167.200.000	552.184	3.396.160								
65	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	8492318550	049193005251			57.753.897				1	167.200.000	609.352	4.165.601								
66	Võ Thị Thanh Tuyền	8710085901	049196017965			81.222.444					132.000.000	517.915	6.427.512								
67	Trần Thị Ru Mơ	8460717898	049185028681			109.317.380					132.000.000	760.562	10.804.979								
68	Trần Thị Như Quỳnh	8687410244	044198006033			77.438.130					132.000.000	488.215	6.103.188								
69	Bùi Thị Diệu Linh	8800999201	049199006347			78.126.180					132.000.000	488.215	6.103.188								
70	Hà Đăng Thủy Phương	8456935967	048194005905			87.038.835					132.000.000	556.805	7.211.163								
71	Trương Công Hoài Thư	8555457052	049196012386			76.761.513				1	184.800.000	488.215	6.103.188								

72	Lê Văn Công	8603203332	048201003019			12.155.683				22.000.000		977.395							
73	Nguyễn Văn Huy	8688610140	048097004506			4.654.260				11.000.000		488.697							
74	Lê Nguyễn Phương Trâm	8523422829	048194003082			101.979.632				132.000.000	552.184	6.839.154							
75	Phan Trần Ái Huyền	8031930257	056178008211			109.099.411			1	184.800.000	597.669	8.111.502							
76	Lưu Lê Hồng Hạnh	8482595509	049190005715			110.646.066			1	184.800.000	620.861	7.792.092							
77	Trương Thị Bích Vân	8800997451	049193006904			79.037.740				132.000.000	441.692	5.477.220							
78	Nguyễn Thị Lệ	8031029878	048190008552			84.874.880				132.000.000	550.246	6.937.812							
79	Trương Thị Tuyết	8489166925	066302007170			14.512.780				33.000.000		1.466.092							
80	Lê Thị Quý Thương	8798448469	049302000470			10.599.550				22.000.000		977.395							
81	Lê Thị Cẩm Tiên	8555094472	066301003109			13.720.544				33.000.000	68.850	1.127.763							
82	Đoàn Thị Hiền Vĩ	8821039611	049195009244			12.527.144				33.000.000	68.850	1.127.763							
83	Trần Thị Phúc	8444042750	048180005186			80.961.680				132.000.000	530.865	6.463.926							
84	Ngô Văn Việt	8438625070	048069005860			89.342.780				132.000.000	578.942	7.216.776							
85	Ngô Văn Hòa	8154182763	048070006974			85.929.680				132.000.000	558.846	6.864.984							
86	Ngô Trường Lang	8056272680	048066006994			84.229.280				132.000.000	548.846								
87	Trần Thị Thủy Nga	8082541890	049179010648			47.070.000				99.000.000									
Tổng						9.292.094.797			53	13.554.200.000	60.101.090	848.118.866							

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; SDDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 19 tháng 01 năm 2025

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)



Mẫu số: 05-3/BK-QTT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Nam
2024

[02] Lần đầu: ☒

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Trường THPT Cẩm Lệ

[05] Mã số thuế: 0 4 0 1 4 9 7 6 7 8 -

I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	MST của người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Loại giấy tờ (Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS) người phụ thuộc	Số giấy tờ	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian tính giảm trừ trong năm tính thuế	
									Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Nguyễn Phước	8454017714	Nguyễn Hoàng Xuân Như	17/03/2009	8889373531	Thẻ CCCD	048309004322	Con	01/2024	12/2024
2	Đoàn Hiếu Mẫn	8516478757	Đoàn Đặng Phương Uyên	14/06/2010	8889373605	Giấy khai sinh	145/2010	Con	01/2024	12/2024
3	Đoàn Hiếu Mẫn	8516478757	Đoàn Đặng Phương Nga	19/11/2012	8889373612	Giấy khai sinh	07/2013	Con	01/2024	12/2024
4	Nguyễn Văn Đồng	0400857127	Nguyễn Văn Tuấn Kiệt	01/07/2016	8889373570	Giấy khai sinh	218/2016	Con	01/2024	12/2024
5	Trần Thị Cẩm Châu	8164860626	Phan Anh Trúc	30/09/2011	8903578212	Giấy khai sinh	04	Con	01/2024	12/2024
6	Lê Phúc Nhi	8128353878	Nguyễn Lê Quang	11/03/2008	8903615577	Thẻ CCCD	048208001918	Con	01/2024	12/2024
7	Nguyễn Thị Hoàng Hương	8296099655	Nguyễn Hoàng Anh Quân	04/11/2003	8903578237	Thẻ CCCD	048203003476	Con	01/2024	12/2024
8	Nguyễn Thị Hoàng Hương	8296099655	Nguyễn Hoàng Anh Thư	18/10/2007	8903578244	Thẻ CCCD	048307005798	Con	01/2024	12/2024
9	Ngô Thị Năm	0400857247	Nguyễn Thanh Hải	22/10/2011	8903578251	Giấy khai sinh	273	Con	01/2024	12/2024
10	Trần Ngọc Hạnh	8044303140	Trần Linh Kha	31/01/2011	8903578269	Giấy khai sinh	15/2011	Con	01/2024	12/2024
11	Trần Ngọc Hạnh	8044303140	Trần Phương Chi	10/02/2013	8903578276	Giấy khai sinh	64	Con	01/2024	12/2024
12	Nguyễn Thị Thanh Vân	8046756996	Lê Nguyễn Quốc Long	10/08/2007	8903578283	Thẻ CCCD	048207006459	Con	01/2024	12/2024
13	Nguyễn Thị Thanh Vân	8046756996	Lê Nguyễn Quốc Bảo	11/05/2011	8903578290	Giấy khai sinh	152/2011	Con	01/2024	12/2024
14	Nguyễn Thị Thanh Vân	8046756996	Lê Nguyễn An Nhiên	21/03/2019	8903578300	Giấy khai sinh	337/2019	Con	01/2024	12/2024
15	Phan Thảo My	8061565146	Nguyễn Thành Nhân	24/03/2011	8903578318	Giấy khai sinh	82/2011	Con	01/2024	12/2024
16	Lê Thị Thu Thủy	0400857141	Nguyễn Hữu Thiện Ân	19/11/2015	8889373637	Giấy khai sinh	249/2015	Con	01/2024	12/2024



17	Nguyễn Xuân Thắng	8053488970	Nguyễn Xuân Quang	15/08/2021	8890005564	Thẻ CCCD	049204005508	Con	01/2024	12/2024
18	Lê Văn Quang	8428851105	Lê Minh Trí	11/04/2023	8903578325	Giấy khai sinh	235	Con	01/2024	12/2024
19	Liên Quang Thịnh	0400856821	Liên Quang Lâm	18/05/2010	8903578332	Thẻ CCCD	049210009119	Con	01/2024	12/2024
20	Biện Thị Lam Sa	8054625348	Nguyễn Chánh Minh Khôi	18/04/2021	8903578357	Giấy khai sinh	259	Con	01/2024	12/2024
21	Hoàng Thị Bích Liên	8516479380	Trần Hoàng Ngọc Minh	17/12/2006	8901908539	Thẻ CCCD	048306000261	Con	01/2024	12/2024
22	Đỗ Thị Hương	8052674029	Lê Khánh Bảo Châu	02/11/2010	8903578364	Giấy khai sinh	89/2011	Con	01/2024	12/2024
23	Lê Thị Thùy Dương	8044301760	Trần Lê Huy	10/02/2024	8904388694	Giấy khai sinh	210	Con	01/2024	12/2024
24	Lê Thị Thùy Dương	8044301760	Trần Lê Duy Khang	06/01/2023	8904388704	Giấy khai sinh	27	Con	01/2024	12/2024
25	Trần Thị Tổ Như	8114727964	Phạm Thị Thanh Trà	31/12/2019	8667514069	Giấy khai sinh	153/2020	Con	01/2024	12/2024
26	Vũ Nguyễn Bích Trâm	8118231415	Trần Vũ Gia Hân	31/08/2017	8903578371	Giấy khai sinh	893	Con	01/2024	12/2024
27	Phạm Ngọc Thành	8023881535	Phạm Văn Khoa	20/01/2018	8903578389	Giấy khai sinh	124/2018	Con	01/2024	12/2024
28	Trần Đỗ Lan Anh	8516479207	Trương Quỳnh Chi	10/08/2021	8903578396	Giấy khai sinh	215/2021	Con	01/2024	12/2024
29	Trần Đỗ Lan Anh	8516479207	Trương Quỳnh Thi	22/12/2018	8903578406	Giấy khai sinh	11/2019	Con	01/2024	12/2024
30	Phạm Minh Phúc	8166064355	Phạm Huyền My	22/09/2019	8903578413	Giấy khai sinh	661/2019	Con	01/2024	12/2024
31	Phạm Minh Phúc	8166064355	Phạm Minh Tuấn	25/01/2021	8903578420	Giấy khai sinh	183/2021	Con	01/2024	12/2024
32	Đào Thị Thùy Linh	8426481480	Nguyễn Ánh Dương	13/08/2020	8889373588	Giấy khai sinh	282	Con	01/2024	12/2024
33	Đào Thị Thùy Linh	8426481480	Nguyễn Chí Minh	19/06/2012	8889373595	Giấy khai sinh	159	Con	01/2024	12/2024
34	Lê Thị Lánh	8516723141	Trần Lê Tâm Nguyễn	15/08/2017	8903578438	Giấy khai sinh	266	Con	01/2024	12/2024
35	Võ Thị Thủy Hằng	8427984279	Nguyễn Đức Vinh	04/02/2017	8631520118	Giấy khai sinh	83	Con	01/2024	12/2024
36	Phan Thị Xuân Trang	8323401194	Nguyễn Hoài Giang	23/08/2022	8903578445	Giấy khai sinh	314	Con	01/2024	12/2024
37	Đặng Thục Đoan	0400857688	Nguyễn Quỳnh Hân	22/06/2017	8903578452	Giấy khai sinh	169	Con	01/2024	12/2024
38	Phan Thị Xuân Hà	0401446433	Trần Thị Ngọc Minh	14/10/2012	8903578477	Giấy khai sinh	559/2012	Con	01/2024	12/2024
39	Phan Thị Xuân Hà	0401446433	Trần Ngọc Viên Minh	10/03/2022	8903578484	Giấy khai sinh	73/2022	Con	01/2024	12/2024
40	Đào Thị Thu Huyền	8426481191	Hoàng Trọng Nhân	13/02/2021	8903578491	Giấy khai sinh	44/2021	Con	01/2024	12/2024
41	Ngô Thị Hoàng Ni	8516723504	Nguyễn Hoàng Minh	01/06/2020	8903578501	Giấy khai sinh	340/2020	Con	01/2024	12/2024
42	Nguyễn Kim Nguyên	8512194225	Nguyễn An Hiên	27/08/2021	8889373549	Giấy khai sinh	154	Con	01/2024	12/2024
43	Nguyễn Kim Nguyên	8512194225	Nguyễn An Hy	27/08/2021	8889373563	Giấy khai sinh	255	Con	01/2024	12/2024
44	Trần Nguyễn Thủy Dương	8516723367	Huỳnh Dương Ngọc Khánh	03/05/2018	8903578519	Giấy khai sinh	256/2018	Con	01/2024	12/2024
45	Lê Thị Thu Trang	8504740079	Lê Vũ	02/08/2021	8903578526	Giấy khai sinh	319	Con	01/2024	12/2024
46	Võ Thị Kim Cương	0400819805	Nguyễn Võ Nhật Minh	23/09/2012	8903578533	Giấy khai sinh	322	Con	01/2024	12/2024
47	Nguyễn Thị Hạnh	8128556839	Nguyễn Tiến Vinh	19/05/2011	8903578540	Giấy khai sinh	288/2011	Con	01/2024	12/2024

48	Nguyễn Thị Hạnh	8128556839	Nguyễn Hà Linh	15/06/2013	8903578558	Giấy khai sinh	181/2013	Con	01/2024	12/2024
49	Lê Thị Minh Thương	8363587805	Bùi Minh Khôi	14/05/2024	8903578565	Giấy khai sinh	82/2024	Con	05/2024	12/2024
50	Nguyễn Thị Mỹ Phương	8492318550	Nguyễn Minh Lam	27/05/2024	8903578572	Giấy khai sinh	236	Con	05/2024	12/2024
51	Trương Công Hoài Thư	8555457052	Phạm Phúc Tuệ	17/09/2021	8903578597	Giấy khai sinh	551	Con	01/2024	12/2024
52	Phan Trần Ái Huyền	8031930257	Phan Tường Anh	30/09/2011	8903578607	Giấy khai sinh	436/2011	Con	01/2024	12/2024
53	Lưu Lê Hồng Hạnh	8482595509	Lê Tiểu Uyên	04/01/2016	8903578614	Giấy khai sinh	77	Con	01/2024	12/2024

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân, GKS: Giấy khai sinh)
Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:
Trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế thì phải khai thông tin chi tiêu [12].

Ngày 19 tháng 01 năm 2025
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thị Minh Huệ